BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:18/2018/TT-BTTTT	*Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2018*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 46/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 46/2016/TT-BTTTT quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo

1. Sửa đổi các khoản 1, 5, 7, 11 và 15 Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

"*1. Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn (Short Range Device)* là thiết bị vô tuyến phát, thu - phát tín hiệu một chiều hoặc hai chiều, ít khả năng gây nhiễu có hại cho các

thiết bị vô tuyến khác. Các chủng loại thiết bị vô tuyến cự ly ngắn được liệt kê tại số thứ tự 1 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này."

b) Sửa đổi khoản 5 như sau:

"*5. Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID-Radio Frequency Identification)*

Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện sử dụng sóng vô tuyến để tự động nhận dạng, theo dõi, quản lý hàng hóa, con người, động vật và các ứng dụng khác. Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện bao gồm hai khối riêng biệt được kết nối thông qua giao diện vô tuyến như sau:

- Thẻ tần số vô tuyến (Radio Frequency Tag) mang chíp điện tử, có hoặc không có nguồn điện, được gắn trên đối tượng cần nhận dạng. Chíp điện tử chứa thông tin về đối tượng đó.

- Thiết bị đọc tần số vô tuyến (Radio Frequency Reader) phát ra tần số nhất định để kích hoạt thẻ vô tuyến và thẻ vô tuyến sẽ phát ra thông tin của thẻ. Thông tin này được thiết bị đọc tần số vô tuyến thu lại và chuyển tới hệ thống xử lý số liệu.

Thiết bị RFID được sử dụng trong các hoạt động phân phối, vận chuyển và bán lẻ, chăm sóc sức khỏe, giao thông hay các ứng dụng di động (ví dụ: ứng dụng tự động hiển thị, tra cứu thông tin quảng cáo). Thiết bị RFID cự ly ngắn quy định tại Thông tư này không bao gồm thiết bị thu phí điện tử không dừng ứng dụng công nghệ nhận dạng vô tuyến RFID dùng băng tần 920 - 923 MHz có công suất phát trên 500 mW ERP."

c) Sửa đổi khoản 7 như sau:

"7. Thiết bị âm thanh không dây (Wireless Audio Device)

Thiết bị âm thanh không dây bao gồm các thiết bị sử dụng sóng vô tuyến điện để truyền dẫn âm thanh ở cự ly ngắn. Một số loại thiết bị âm thanh không dây điển hình: microphone không dây cài áo, microphone không dây cầm tay, tai nghe không dây, máy phát FM cá nhân, thiết bị trợ thính.

Thiết bị âm thanh không dây cự ly ngắn quy định tại Thông tư này không bao gồm thiết bị truyền dẫn âm thanh không dây dùng băng tần 470 - 694 MHz có công suất phát trên 30 mW ERP phục vụ tác nghiệp trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình."

d) Sửa đổi khoản 11 như sau:

"11. Thiết bị truyền hình ảnh không dây (Wireless Video Transmitter/ Transceiver)

Thiết bị truyền hình ảnh không dây dùng để truyền dữ liệu hình ảnh (hoặc dữ liệu hình ảnh và âm thanh) về hệ thống xử lý qua giao diện vô tuyến.

Một số loại thiết bị truyền hình ảnh không dây điển hình: web-cam không dây, ca-me-ra không dây, thiết bị truyền hình ảnh không dây qua giao diện cổng nối tiếp vạn năng (USB) từ máy tính."

đ) Sửa đổi khoản 15 như sau:

"*15. Thiết bị ra-đa ứng dụng trong giao thông (Automotive Radar, Radar sensor hoặc Road Transport and Traffic Telematics)* là thiết bị ra-đa cự ly ngắn dùng cho các ứng dụng trong thông tin giao thông (đường bộ hoặc đường sắt) như điều khiển hành trình, phát hiện, cảnh báo, tránh va chạm giữa phương tiện giao thông với vật thể xung quanh."

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 4 như sau:

"1. Thiết bị vô tuyến điện thuộc Danh mục đáp ứng quy định chung tại Điều 5 và đáp ứng các điều kiện kỹ thuật và khai thác tương ứng quy định tại Phụ lục 2 đến Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

2. Thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn thuộc Danh mục nhưng không đáp ứng điều kiện về tần số và điều kiện kỹ thuật quy định tại Thông tư này thì không được sử dụng tại Việt Nam.

3. Đối với thiết bị vô tuyến cự ly ngắn có thể hoạt động ở nhiều mức công suất phát khác nhau hoặc nhiều băng tần khác nhau hoặc có dải tần số hoạt động rộng, trong đó có trường hợp không phù hợp với quy định tại Thông tư này, tổ chức, cá nhân chỉ được phép sử dụng, sản xuất, nhập khẩu để sử dụng tại Việt Nam khi cài đặt cố định các thông số về tần số, mức công suất hoạt động theo quy định tại Thông tư này. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu cài đặt các thông số về tần số, mức công suất hoạt động không phù hợp với quy định tại Thông tư này."

3. Bổ sung khoản 1a Điều 6 về Điều khoản chuyển tiếp như sau:

"1a. Tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng, sản xuất, nhập khẩu để đưa vào sử dụng tại Việt Nam thiết bị nhận dạng vô tuyến điện hoạt động tại băng tần 866 - 868 MHz trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng, nhưng phải ngừng sử dụng khi gây nhiễu có hại cho các thiết bị vô tuyến điện được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện."

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung các Phụ lục của Thông tư số 46/2016/TT-BTTTT như Phụ lục A ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2019.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Tần số vô tuyến điện) để được hướng dẫn hoặc xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục A

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC PHỤ LỤC CỦA THÔNG TƯ SỐ 46/2016/TT-BTTTT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Sửa đổi điểm 1.13 Phụ lục 1 và bổ sung điểm 1.15 Phụ lục 1 như sau:

"

STT	Loại thiết bị vô tuyến điện
1.13	Thiết bị ra-đa ứng dụng trong giao thông
1.15	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn phục vụ kết nối giữa tàu và đường ray

"

2. Bổ sung nội dung số thứ tự 3a, 6a, 8a, 10a, 20a, 41a, 51a và sửa đổi nội dung có số thứ tự 39, 54, và 55 Phụ lục 2 như sau:

a) Bổ sung nội dung số thứ tự 3a, 6a, 8a, 10a, 20a, 41a, 51a như sau:

"

STT	BĂNG TẦN	LOẠI THIẾT BỊ HOẶC ỨNG DỤNG VÔ TUYẾN ĐIỆN	PHÁT XẠ CHÍNH	PHÁT XẠ GIẢ
	A	B	C	D
3a.	148,5 ÷ 190 kHz	Thiết bị vòng từ (dùng trong y tế)	≤ 30 dBμA/m đo tại khoảng cách 10 m	Theo giới hạn phát xạ giả 1
	148,5 ÷ 190 kHz	Thiết bị vòng từ	≤ -15 dBμA/m đo tại khoảng cách 10 m (trong băng thông 10 kHz)	Theo giới hạn phát xạ giả 1
6a.	3.234 ÷ 5.234 kHz	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn phục vụ kết nối giữa tàu và đường ray	≤ 9 dBμA/m đo tại khoảng cách 10 m	Theo giới hạn phát xạ giả 1a
8a.	10.200 ÷ 11.000 kHz	Thiết bị vòng từ	≤ 9 dBμA/m đo tại khoảng cách 10 m	Theo giới hạn phát xạ giả 1
10a.	26.957 ÷ 27.283 kHz	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn phục vụ kết nối giữa tàu và đường ray	≤ 42 dBμA/m đo tại khoảng cách 10 m	Theo giới hạn phát xạ giả 1a
20a.	121,5 MHz	Thiết bị phao vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn cấp (EPIRB)	≤ 100 mW ERPEP (Công suất phát xạ hiệu dụng đỉnh)	Theo giới hạn phát xạ giả 11

STT	BĂNG TẦN	LOẠI THIẾT BỊ HOẶC ỨNG DỤNG VÔ TUYẾN ĐIỆN	PHÁT XẠ CHÍNH	PHÁT XẠ GIẢ
	A	B	C	D
		(trang bị tính năng định vị vô tuyến trên tần số 121,5 MHz)		
41a.	1795 ÷ 1800 MHz	Thiết bị âm thanh không dây	≤ 20 mW EIRP; ≤ 50 mW EIRP (đối với thiết bị âm thanh cài áo không dây)	Theo giới hạn phát xạ giả 2
51a.	24 ÷ 24,25 GHz	Thiết bị ra-đa ứng dụng trong giao thông	≤ 100 mW EIRP	Theo giới hạn phát xạ giả 7

”

b) Sửa đổi nội dung có số thứ tự 39, 54 và 55 như sau:

“

STT	BĂNG TẦN	LOẠI THIẾT BỊ HOẶC ỨNG DỤNG VÔ TUYẾN ĐIỆN	PHÁT XẠ CHÍNH	PHÁT XẠ GIẢ
	A	B	C	D
39.	918 ÷ 923 MHz	Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện	≤ 500 mW ERP	Theo giới hạn phát xạ giả 2
54.	76 ÷ 77 GHz	Thiết bị ra-đa ứng dụng trong giao thông	≤ 316,23 W EIRP (trong băng thông 50 MHz)	Theo giới hạn phát xạ giả 7
55.	77 ÷ 81 GHz	Thiết bị ra-đa ứng dụng trong giao thông	≤ 316,23 W EIRP (trong băng thông 50 MHz) và ≤ 0,5 mW/MHz EIRP	Theo giới hạn phát xạ giả 7

”

3. Bổ sung điểm 2.1a và 2.11 vào mục 2 của Phụ lục 2 như sau:

a) Bổ sung điểm 2.1a Phụ lục 2 như sau:

“2.1a Giới hạn phát xạ giả 1a:

Tần số (f)	Mức giới hạn (đo tại khoảng cách 10 m)
9 kHz ≤ f < 150 kHz	44 dBμA/m tại tần số 9 kHz và giảm xuống 19 dBμA/m tại tần số 150 kHz.
150 kHz ≤ f < 30 MHz	54 dBμA/m tại tần số 150 kHz và giảm xuống 4 dBμA/m tại tần số 30 MHz.
30 MHz ≤ f < 1 GHz	79 dBμV/m tại tần số 30 MHz và giảm xuống 54 dBμV/m tại tần số 1 GHz.

”

b) Bổ sung điểm 2.11 Phụ lục 2 như sau:

"2.11 Giới hạn phát xạ giả 11:

Tần số (f)	Mức giới hạn
108 MHz ≤ f ≤ 137 MHz; 156 MHz ≤ f ≤ 162 MHz; 406,0 MHz ≤ f ≤ 406,1 MHz; 450 MHz ≤ f ≤ 470 MHz	-16 dBm (25 μW)

"

4. Xóa bỏ băng tần 866 ÷ 868 MHz và điều kiện sử dụng tương ứng tại Phụ lục 2 và Phụ lục 6.

5. Xóa bỏ chú thích (*) tại Phụ lục 2.

6. Xóa bỏ chú thích (*) tại Phụ lục 6.

7. Bổ sung băng tần 1795 ÷ 1800 MHz và điều kiện sử dụng vào Phụ lục 8 như sau:

"

Băng tần	Phát xạ chính	Phát xạ giả
1795 ÷ 1800 MHz	≤ 20 mW EIRP; ≤ 50 mW EIRP (đối với thiết bị âm thanh cài áo không dây)	Theo giới hạn phát xạ giả 2

"

8. Sửa đổi tên Phụ lục 15 và bổ sung băng tần 24 ÷ 24,25 GHz kèm theo điều kiện sử dụng vào Phụ lục 15 như sau:

a) Sửa đổi tên Phụ lục 15 thành "**ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT VÀ KHAI THÁC ĐỐI VỚI THIẾT BỊ RA-ĐA ỨNG DỤNG TRONG GIAO THÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**".

b) Bổ sung băng tần 24 ÷ 24,25 GHz và điều kiện sử dụng như sau:

"

Băng tần	Phát xạ chính	Phát xạ giả
24 ÷ 24,25 GHz	≤ 100 mW EIRP	Theo giới hạn phát xạ giả 7

"

9. Bổ sung các băng tần 148,5 ÷ 190 kHz, 10.200 ÷ 11.000 kHz và điều kiện sử dụng vào Phụ lục 16 như sau:

"

Băng tần	Phát xạ chính	Phát xạ giả	Điều kiện khác
148,5 ÷ 190 kHz	≤ 30 dBμA/m đo tại khoảng cách 10 m	Theo giới hạn phát xạ giả 1	- Sử dụng cho lĩnh vực thông tin y tế. - Thiết bị phải được bảo đảm hoạt động với chu kỳ xung (Duty cycle) không quá 10%.

Băng tần	Phát xạ chính	Phát xạ giả	Điều kiện khác
148,5 ÷ 190 kHz	≤ -15 dBμA/m đo tại khoảng cách 10 m (trong băng thông 10 kHz)	Theo giới hạn phát xạ giả 1	
10.200 ÷ 11.000 kHz	≤ 9 dBμA/m đo tại khoảng cách 10 m	Theo giới hạn phát xạ giả 1	

”

10. Bổ sung Phụ lục 16A như sau:

“Phụ lục 16A

ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT VÀ KHAI THÁC ĐỐI VỚI THIẾT BỊ VÔ TUYẾN CỰ LY NGẮN PHỤC VỤ KẾT NỐI GIỮA TÀU VÀ ĐƯỜNG RAY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Băng tần	Phát xạ chính	Phát xạ giả	Điều kiện khác
3.234 ÷ 5.234 kHz	≤ 9 dBμA/m đo tại khoảng cách 10 m	Theo giới hạn phát xạ giả 1a	- Sử dụng trong lĩnh vực thông tin đường sắt, kết nối giữa tàu và đường ray. - Thiết bị phải được bảo đảm hoạt động với chu kỳ xung (Duty cycle) không quá 1%.
26.957 ÷ 27.283 kHz	≤ 42 dBμA/m đo tại khoảng cách 10 m	Theo giới hạn phát xạ giả 1a	- Sử dụng trong lĩnh vực thông tin đường sắt, kết nối giữa tàu và đường ray. - Tần số trung tâm là 27,095 MHz.

”

11. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 19 như sau:

"Phụ lục 19
ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT VÀ KHAI THÁC ĐỐI VỚI THIẾT BỊ VÔ TUYẾN DÙNG CHO MỤC ĐÍCH AN TOÀN, CỨU NẠN HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Băng tần	Phát xạ chính	Phát xạ giả	Loại thiết bị vô tuyến	Điều kiện khác
156,025 ÷ 162,025 MHz (*)	≤ 7,7 W ERP (12,5 W EIRP)	Theo giới hạn phát xạ giả 9	Thiết bị nhận dạng tự động (AIS).(**)	Tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị có trách nhiệm cài đặt, cung cấp các thông tin, dữ liệu nhận dạng có liên quan theo quy định của Pháp luật.
406,0 ÷ 406,1 MHz	≤ 12,2 W ERP	≥ 20 dBc tại độ lệch tần số ± 3 kHz đến ± 7 kHz so với tần số trung tâm của sóng mang; ≥ 30 dBc tại độ lệch tần số ± 7 kHz đến ± 12 kHz so với tần số trung tâm của sóng mang; ≥ 35 dBc tại độ lệch tần số ± 12 kHz đến ± 24 kHz so với tần số trung tâm của sóng mang; ≥ 40 dBc tại độ lệch tần số -24 kHz so với tần số trung tâm của sóng mang đến tần số 406,0 MHz và tại độ lệch +24 kHz so với tần số trung tâm của sóng mang đến tần số 406,1 MHz.	Thiết bị phao vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn cấp (EPIRB).(**)	- Tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị có trách nhiệm cài đặt, cung cấp các thông tin, dữ liệu nhận dạng có liên quan theo quy định của Pháp luật. - Phương thức phát xạ trên tần số 121,5 MHz: A3X. Tần số này được sử dụng cho mục đích định vị vô tuyến phụ trợ cho thiết bị EPIRB.

Băng tần	Phát xạ chính	Phát xạ giả	Loại thiết bị vô tuyến	Điều kiện khác
121,5 MHz	≤ 100 mW ERPEP	Theo giới hạn phát xạ giả 11		
9200 ÷ 9500 MHz	≥ 400 mW EIRP	Không quy định	Thiết bị phát báo tìm kiếm cứu nạn (SART). (**)	
161,9625 ÷ 161,9875 MHz; 162,0125 ÷ 162,0375 MHz	≤ 7,7 W ERP (12,5 W EIRP)	Theo giới hạn phát xạ giả 10	Thiết bị nhận dạng tự động phát báo tìm kiếm cứu nạn (AIS-SART)(**)	

(*): Băng tần hoạt động mặc định quốc tế: AIS1 (161,9625 ÷ 161,9875 MHz), AIS2 (162,0125 ÷ 162,0375 MHz).

(**): Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện cho thiết bị EPIRB, AIS, SART, AIS-SART thì thực hiện các thủ tục đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật.”